TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 293/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Đinh Văn P**, sinh năm: 1978; CCCD số 075078010483 cấp ngày 31/8/2021.

Địa chỉ: Số 164B/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Bích L**, sinh năm: 1985; CCCD số 075185022614 cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: Số 164B/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Anh P, chị L cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2023, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Đinh Văn P trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Lê Thị Bích L có quen biết tìm hiểu khoảng 03 năm thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/10/2005. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 164B/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, chúng tôi sống cùng gia đình nhà tôi, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì, đến năm 2021 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do vợ tôi thường xuyên vay

mượn tiền khắp nơi, chi tiêu tài chính không minh bạch, tôi không được biết những khoản vay của vợ tôi, nhiều lần tôi bị người khác gọi điện thoại hỏi nợ, tuy nhiên tôi lại không biết vợ tôi vay mượn do vợ tôi không nói cho tôi những khoản vay này. Nhiều lần tôi hỏi vợ những khoản vay mục đích làm gì nhưng vợ tôi không trả lời được, số tiền vay mượn cũng không vì mục đích phục vụ cho kinh tế gia đình mà do chị L tiêu xài cá nhân tôi không được biết, tôi đã rất nhiều lần cho vợ cơ hội sửa đổi, hai vợ chồng ngồi xuống nói với nhau và được hai bên gia đình hòa giải, tuy nhiên chị L vẫn chứng nào tật nấy không chịu thay đổi. Chị L mượn tiền của những ai tôi không nắm được. Ngoài ra vợ chồng không còn mâu thuẫn gì khác.

Sau một thời gian làm việc tại Tòa án tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về vấn đề hôn nhân do tôi và chị Lê Thị Bích L chung sống đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu, tuy nhiên vợ chồng không có hướng khắc phục, chị L cho rằng tôi có mối quan hệ ngoài luồng nên mới nộp đơn ly hôn, tôi không đồng ý do những hình ảnh chị L chụp được chỉ là hình ảnh tôi và bạn bè của mình không có mối quan hệ khác. Còn việc chị L cho rằng chị L vay mượn tiền nhiều nơi để lo cho kinh tế gia đình, tuy nhiên tôi không được thông qua những khoản nợ này, chị L vay mượn không hề thông qua tôi, thậm chí chị L còn vay mượn em trai tôi và nói em trai tôi giấu không được cho tôi biết, thêm vào đó số người gọi điện thoại cho tôi đe dọa đòi nợ cũng rất nhiều, điều đó khiến cho tôi mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân. Việc chúng tôi xây nhà, đất là của ông bà nội, còn nhà chỉ là nhà ghép bằng tôn chỉ mất khoảng 3 mấy triệu đồng, còn số tiền chị L nói để đầu tư làm vườn là không có, số tiền đó là tôi mượn tiền của chú tôi để đầu tư, còn dư 30 triệu tôi cũng đưa cho chị L nhưng chị L tiêu xài cá nhân hay làm gì tôi cũng không biết được. Hiện nay tôi không được biết tổng số nợ của chị L vì chị L vẫn giấu, do số nợ là chị L tự tiêu xài cá nhân không dùng lo cho gia đình nên tôi không có ý kiến.

Hiện giờ vợ chồng đã không còn sống chung nhà từ tết năm 2023 đến nay đã hơn nửa năm nay, chị L sống bên nhà hai vợ chồng còn tôi về nhà cha mẹ đẻ để ở, hai nhà cũng sát cạnh nhau nhưng hai vợ chồng không nói chuyện hay chia sẻ cũng nhau, chúng tôi không quan tâm cuộc sống của nhau cũng không nói chuyện vì không có hướng khắc phục mâu thuẫn.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Lê Thị Bích L để sớm ổn định được cuộc sống.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Đinh Lê Thanh H, sinh ngày 22/11/2006. Về vấn đề này tôi có thay đổi yêu cầu của mình. Khi ly hôn tôi đồng ý giao cháu H cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng do Tòa án tiến hành lấy lời khai cháu H cháu yêu cầu được sống cùng mẹ nên tôi tôn trọng quyết định của con. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không cấp dưỡng nuôi con, tôi sẽ chu cấp cho cháu theo cách thức của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai ngày 27/4/2023; biên bản lấy lời khai tại Tòa án bị đơn chị Lê Thị Bích L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh P quen biết nhau khoảng 07 năm thì tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/10/2005. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn tôi và anh P sống chung tại nhà chồng tại địa chỉ số 164B/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng gần 01 năm nay, phần lớn nguyên nhân do không hiểu rõ về vấn đề tiền bạc, anh P cho rằng tôi đi vay nợ khắp nơi nhưng không cho anh biết, tuy nhiên số tiền vay này tôi vay là để phục vụ cho kinh tế gia đình, để xây nhà và làm vườn, tôi đã giải thích cho anh P rất nhiều lần nhưng anh P không nghe tôi giải thích, hiện nay số nợ này tôi đã trả gần hết, chỉ còn lại một số ít. Tôi nghi ngờ anh P có mối quan hệ ngoài luồng bên ngoài (tôi có hình ảnh chụp được), tuy nhiên do hình ảnh chưa được rõ nên tôi chưa có bằng chứng xác thực. Khoảng sau tết năm 2022 anh P và tôi đã không còn sống chung nhà, anh P ở bên nhà ba mẹ còn tôi và con gái ở bên nhà hai vợ chồng, hai nhà sát cạnh nhau, vợ chồng ít khi nói chuyện với nhau do anh P không có thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, tôi đã cố gắng rất nhiều để vợ chồng hòa giải đoàn tụ, tuy nhiên anh P vẫn kiên quyết muốn ly hôn, tình cảm vợ chồng xa cách, người thân trong nhà và con gái cũng đã khuyên nhủ anh P rất nhiều lần để hai vợ chồng hòa giải tuy nhiên anh P không để tâm và không nghe lời khuyên can của mọi người. Từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay thì hai vợ chồng không còn qua lại quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau do nhiều lần tôi muốn nói chuyện nhưng anh P không trả lời tôi. Nay anh P yêu cầu xin ly hôn tôi không đồng ý do tôi là người theo đạo công giáo, ly hôn là lỗi đạo nên tôi không đồng ý và tôi cũng không đồng ý ký cho anh P. Tôi đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho hai vợ chồng được đoàn tụ với nhau cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Đinh Lê Thanh H, sinh ngày 22/11/2006. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tôi không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, anh P phải tự có trách nhiệm với con cái.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được

triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn P được ly hôn với chị Lê Thị Bích L.

+ Về con chung: Giao cháu Đinh Lê Thanh H, sinh ngày 22/11/2006 cho chị Lê Thị Bích L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc anh Đinh Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Bị đơn chị Lê Thị Bích L hiện đang cư trú tại số 164B/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đinh Văn P và chị Lê Thị Bích L tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 05/10/2005. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh P và chị L là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của anh P đối với chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự cả anh P và chị L đề thừa nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn sau một thời gian chung sống với nhau, phần lớn nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất được về vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống nên thường nghi ngờ, thiếu sự tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Mặc dù quá trình mâu thuẫn mặc dù đã được người thân trong gia đình tích cực hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được, vợ chồng ly thân nhau khoảng gần 01 năm nay.

Theo nguyên đơn anh P cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình, chị L cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau, mặc dù hai nhà vẫn sát cạnh nhau nhưng không còn qua lại nhau và không có biện pháp hàn gắn dù đã được hòa giải từ phía gia đình và anh P không có thiện chí hòa giải, anh P từ chối nghe chị nói và cũng không muốn cùng chị giải quyết mâu thuẫn phát sinh giữa hai vợ chồng, bỏ mặc cho mâu thuẫn xảy ra. Chị L cho rằng anh P có quan hệ tình cảm bên ngoài nhưng chị thừa nhận bản thân chỉ nghi ngờ chứ không có căn cứ chắc chắn. Như vậy trong cuộc sống vợ chồng đã thiếu sự tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên vợ chồng có điều kiện để hòa giải với nhau, tuy nhiên anh P không mong muốn và không tham gia hòa giải nhiều lần và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, điều này thể hiện anh P không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, có thái độ bỏ mặc, chị L cùng với gia đình cũng đã nhiều lần khuyên nhủ và thuyết phục để hai vợ chồng hàn gắn với nhau nhưng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh P và chị L đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là cháu Đinh Lê Thanh H, sinh ngày 22/11/2006, hiện nay cháu H đang sống cùng chị L tại nhà của hai vợ chồng, anh P cũng ở cạnh bên cùng cha mẹ.

Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự trong vấn đề nuôi dưỡng con chung, nhận thấy: Quá trình vợ chồng anh P và chị L xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, cháu H vẫn qua lại chung sống và gặp gỡ cha mẹ hàng ngày. Chị L và anh P đều thống nhất ý kiến với nhau về việc khi ly hôn sẽ giao con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần ghi nhận ý kiến của anh chị trong vấn đề này. Chị L hiện nay làm công nhân, thu nhập bình quân hàng tháng ổn định, ngoài ra cháu H hiện nay cũng đã nghỉ học và đi học nghề cũng như làm thêm và có thu nhập, vì vậy nên chị L có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cũng như xem xét

đến nguyện vọng của cháu nên cần giao cháu Đinh Lê Thanh H cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh P và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn P về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đinh Văn P được ly hôn với chị Lê Thị Bích L.

2. *Về con chung:* Giao cháu Đinh Lê Thanh H, sinh ngày 22/11/2006 cho chị Lê Thị Bích L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P do chị L không có yêu cầu.

Anh Đinh Văn P được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Đinh Văn P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009330 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Anh Đinh Văn P và chị Lê Thị Bích L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã G, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 75, quyển số 01 ngày 05/10/2005);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên**

Phan Ngọc Thành